

Số: 01 /2018/QĐ-UBND

Lộc Ninh, ngày 17 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn huyện Lộc Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng số 47/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng số 39/2013/QH13 ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 61/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện tại Tờ trình số 14/TT.HĐTĐKT ngày 04 tháng 4 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện Lộc Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/5/2018 và thay thế Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 18/9/2015 của Ủy ban nhân dân huyện về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện Lộc Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện, Thủ trưởng các phòng, ban, ngành, các đoàn thể; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn; doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Ch*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Bình Phước;
- Ban TĐKT tỉnh;
- Sở Nội vụ tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Các Ban của HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Thành viên Hội đồng TĐKT huyện;
- Như Điều 3;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Nhật Tân

QUY ĐỊNH
Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện Lộc Ninh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 04 /2018/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 4 năm 2018 của UBND huyện)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nguyên tắc tổ chức, thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện, bao gồm: Nội dung, hình thức tổ chức các phong trào thi đua; danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; các hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền quyết định, trao tặng khen thưởng; thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; lập, sử dụng và quản lý quỹ thi đua, khen thưởng; kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng công dân Việt Nam, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các tổ chức kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, hộ gia đình, nhân dân có thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của huyện đều được xét khen thưởng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này các từ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tập thể nhỏ là tập thể có quy mô nhỏ ở cơ sở gồm một số cá nhân cùng thực hiện một nhiệm vụ như (tổ, đội, tiểu đội, đại đội, phòng, khoa, thuộc trung tâm y tế cấp huyện, lực lượng vũ trang cấp huyện gồm công an, quân sự và các tập thể thuộc đơn vị, địa phương được thành lập theo quy định).
2. Cá nhân là người trực tiếp lao động, quản lý giữ chức vụ và không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, bao gồm cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên, chiến sĩ lực lượng vũ trang, công nhân, nông dân, người lao động.
3. Khen thưởng thành tích từ thiện, nhân đạo là khen thưởng tập thể, cá nhân có nhiều thành tích đóng góp trong công tác xã hội, từ thiện, nhân đạo.

4. Khen thưởng cấp Nhà nước, gồm: Cờ thi đua của Chính phủ, Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Bằng khen Thủ tướng Chính phủ, Huân chương, Huy chương, Danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước.

5. Các Chương trình, kế hoạch, quyết định về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn không được xem là văn bản phát động phong trào thi đua.

Điều 4. Nguyên tắc thi đua, căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

1. Nguyên tắc thi đua

- a) Tự nguyện, tự giác, công khai;
- b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua; mọi cá nhân, tập thể đề nghị công nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đều phải tham gia phong trào thi đua và đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua. Việc đăng ký danh hiệu thi đua phải thực hiện trước ngày 20 tháng 02 hàng năm (Đối với các đơn vị sự nghiệp sự nghiệp giáo dục công lập thực hiện trước ngày 31 tháng 9 hàng năm).

Điều 5. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ xét khen thưởng

1. Kịp thời, chính xác, công khai, minh bạch, bình đẳng.

2. Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được.

3. Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn thì được khen thưởng với mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu (công nhân, nông dân, chiến sỹ) và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác.

4. Đối với cá nhân trong một năm chỉ đề nghị một hình thức khen thưởng cấp Nhà nước hoặc danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”.

5. Trong một năm không trình khen thưởng tổng kết năm vừa “Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện”, vừa danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”; vừa Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh”, vừa danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” cho cùng một cá nhân.

6. Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích đạt được của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

7. Cá nhân đề nghị khen thưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc kê khai, báo cáo thành tích đề nghị các cấp khen thưởng.

8. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với tập thể, cá nhân mà đơn vị mình trình cấp trên khen thưởng.

9. Khen thưởng theo chuyên đề.

a). Trong một năm tập thể, cá nhân tham gia nhiều phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề thì cũng chỉ được xét tặng giấy khen của Chủ tịch UBND huyện một lần;

b) Hạn chế khen thưởng cho các cơ quan, đơn vị phối hợp, cho cá nhân lãnh đạo tham gia vào các Ban, các Hội đồng mà chủ yếu đề nghị khen thưởng cho các tập thể và cá nhân trực tiếp thực hiện chuyên đề;

c) Tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng phải có ít nhất từ ½ thời gian tham gia chuyên đề trở lên.

10. Thời gian đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo được tính từ khi có quyết định khen thưởng lần trước.

11. Khi bình xét khen thưởng từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng từ cấp cơ sở đến cấp huyện phải tiến hành bỏ phiếu kín, kết quả đạt từ 80% trở lên mới lập thủ tục, hồ sơ đề nghị lên cấp trên xét, đề nghị khen thưởng. Riêng danh hiệu “Chiến sĩ Thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ Thi đua toàn quốc” và danh hiệu vinh dự Nhà nước kết quả bỏ phiếu kín phải đạt từ 90% trở lên, tính trên tổng số thành viên Hội đồng cấp đó.

Điều 6. Hình thức tổ chức phong trào thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một tổ chức, cơ quan, đơn vị hoặc giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

2. Thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ phát động thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp và thời gian.

Điều 7. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Phong trào thi đua có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, dễ thực hiện; nội dung phải bám sát nhiệm vụ chính trị trọng tâm của đơn vị, địa phương

và các nhiệm vụ đột xuất, cấp bách khác, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân.

2. Căn cứ vào nội dung, chỉ tiêu của các phong trào thi đua để xây dựng các tiêu chí đánh giá phù hợp với thực tế và để làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng trong các kỳ sơ kết, tổng kết.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện chú trọng công tác chỉ đạo điểm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra. Nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng mô hình, điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua. Việc phát hiện điển hình tiên tiến là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua.

Điều 8. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện thực hiện chức năng tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện.

Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện là cơ quan tham mưu quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng của huyện có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân huyện, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng; đề xuất phương pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng để phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể, tổ chức hội, doanh nghiệp huyện; các đơn vị tỉnh và ngành dọc đóng trên địa bàn huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi cơ quan, đơn vị, ngành, địa phương mình quản lý; chủ trì phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các thành viên của Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp để thực hiện các phong trào thi đua thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính trị của ngành, địa phương và của huyện.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của ngành, địa phương có trách nhiệm giúp Thủ trưởng ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các địa phương tổ chức phát động các phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng trong phạm vi ngành, địa phương; nghiên cứu, đề xuất phương pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các thành viên của Mặt trận, các tổ chức chính trị từ huyện đến cơ sở trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tổ chức và phối hợp với các cơ quan nhà nước để lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách pháp luật về khen thưởng; tổ chức giám sát việc thực hiện Luật Thi đua, Khen thưởng; kiến nghị sửa đổi, bổ sung những bất cập về chính sách và quy định khen thưởng phù hợp.

4. Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng kịp thời; đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động tuyên truyền, tăng cường các chuyên trang, chuyên mục để định hướng dư luận, lấy ý kiến nhân dân về công tác thi đua, khen thưởng; phát hiện, cổ vũ, phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; đấu tranh, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng, góp phần hạn chế, đẩy lùi các mặt tiêu cực trong xã hội và công tác khen thưởng.

Chương II

DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 9. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”

1. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

Thực hiện theo quy định tại Điều 24 của Luật Thi đua, Khen thưởng và Điều 10 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng (sau đây gọi tắt Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/07/2017 của Chính Phủ)

2. Đối với cá nhân nghỉ thai sản theo quy định được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” mà không làm căn cứ để xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng khác.

Điều 10. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

Tiêu chuẩn xét tặng “Chiến sĩ thi đua cơ sở” thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Luật Thi đua, Khen thưởng và khoản 3, Điều 9 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/07/2017 của Chính Phủ;

Điều 11. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

1. Tiêu chuẩn xét tặng Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”.

a) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 22 của Luật Thi đua, Khen thưởng và khoản 2, Điều 9 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/07/2017 của Chính Phủ;

b) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất, được lựa chọn trong số những cá nhân có 03 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

c) Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân đó đem lại hiệu quả cao và có tác dụng ảnh hưởng trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu do Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp tỉnh xem xét, công nhận.

Điều 12. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Tiêu chuẩn xét tặng Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

a) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 21 của Luật Thi đua, Khen thưởng và khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/07/2017 của Chính Phủ;

b) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất, được lựa chọn trong số những cá nhân có 02 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” (tức là cá nhân đó phải có 06 năm liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”);

c) Có sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

2. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài khoa học do Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp tỉnh xem xét, công nhận.

3. Thời điểm xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” là năm liền kề sau năm đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” lần thứ hai.

Điều 13. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”

1. Tiêu chuẩn xét tặng Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” “Đơn vị tiên tiến”. Được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn tại Điều 28 của Luật thi đua, khen thưởng.

2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao.

3. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả.

4. Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

5. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 14. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”

1. Tiêu chuẩn xét tặng Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hàng năm cho tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu biểu đạt các tiêu chuẩn tại Điều 27 của Luật Thi đua, Khen thưởng.

a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b, d và đ Khoản 1 Điều này có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành

nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” thì được xét tặng danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”.

3. Đối tượng được xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” cấp huyện gồm:

a) Đối với các đơn vị kinh tế; doanh nghiệp, gồm: Phòng, ban, xí nghiệp, nông trường, hợp tác xã (trừ các tập đoàn kinh tế) và các đơn vị trực thuộc như phân xưởng;

b) Các Phòng, Ban chuyên môn và tương đương, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện;

c) Các Ban đảng, Ủy ban mặt trận tổ quốc, Đoàn thể cấp huyện;

d) UBND xã, phường, thị trấn.

Điều 15. “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. Tiêu chuẩn xét tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng hàng năm và theo đợt, tiêu chuẩn quy định tại Điều 26 của Luật Thi đua, Khen thưởng và Điều 12 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/07/2017 của Chính Phủ.

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của tỉnh;

b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác của tỉnh học tập;

c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng cho các tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do tỉnh phát động được đánh giá khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên.

3. Đơn vị dẫn đầu các Khối, Cụm thi đua các cơ quan, ban, ngành, đơn vị trực thuộc huyện.

4. Đơn vị dẫn đầu Cụm thi đua các xã, thị trấn thuộc huyện.

Điều 16. “Cờ thi đua của Chính phủ”

1. Tiêu chuẩn xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng hàng năm cho các tập thể đạt tiêu chuẩn tại điều 25 của Luật thi đua, khen thưởng và Điều 11 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/07/2017 của Chính Phủ.

a) Các tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”;

b) Các tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động được đánh giá khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên.

2. Việc lựa chọn các tập thể đề nghị xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện nhưng không quá 20% tập thể đạt tiêu chuẩn tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”.

Điều 17. Danh hiệu “Gia đình văn hóa”

1. Tiêu chuẩn xét tặng Danh hiệu “Gia đình văn hóa” đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 29 của Luật Thi đua, Khen thưởng và theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 18. Danh hiệu ấp, khu phố, tổ dân phố văn hóa

1. Tiêu chuẩn xét tặng Danh hiệu thôn, ấp, tổ dân phố văn hóa, khu phố văn hóa được xét tặng hàng năm đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 30 của Luật Thi đua, Khen thưởng và theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 19. Hình thức khen thưởng

Hình thức khen thưởng, gồm:

1. Cấp nhà nước:

a) Huân chương: “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập” các hạng, “Huân chương Quân công” các hạng, “Huân chương Lao động” các hạng, “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” các hạng, “Huân chương Chiến công” các hạng, “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc”, “Huân chương Dũng cảm”, “Huân chương Hữu nghị”;

b) Huy chương: “Huy chương Quân kỳ quyết thắng”, “Huy chương Vì an ninh Tổ quốc”, “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” các hạng, “Huy chương Hữu nghị”;

c) Danh hiệu Vinh dự Nhà nước: “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”, “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”, “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”, “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”;

d) “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”;

đ) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

2. Cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương: “Bằng khen của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương”, “Kỷ niệm chương”.

3. Cấp tỉnh: “Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh”, “Huy hiệu”.

4. Cấp huyện: “Giấy khen”.

5. Cấp xã: “Giấy khen”.

Điều 20. Các loại hình khen thưởng

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ tịch UBND các cấp, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đã đạt được thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu; dũng cảm cứu người, tài sản của nhân dân hoặc của Nhà nước (thành tích đột xuất là thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc bình thường mà tập thể, cá nhân phải đảm nhận).

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia trong các giai đoạn cách mạng (giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội), có công lao, thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. Khen thưởng theo niên hạn là khen thưởng cho cá nhân thuộc lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân đã có thành tích, có thời gian tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

6. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài đã có thành tích, có đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam trên lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

Điều 21. Đối tượng, Tiêu chuẩn khen thưởng cấp Nhà nước

Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017.

Điều 22. Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện

1. Giấy khen để tặng cho tập thể, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ công tác thường xuyên, được tiến hành kịp thời cho các tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác hàng năm (khen thưởng tổng kết năm) sau khi được cấp thẩm quyền đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 và Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ và chấm điểm, xếp hạng đề nghị của cụm, khối thi đua thuộc huyện, hoặc lập được thành tích đột xuất theo quy định do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp xem xét, đề nghị khen thưởng.

2. Đối với khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt)

Các chuyên đề có phạm vi rộng trên địa bàn huyện, do UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện phát động (bằng Văn bản) ngay sau khi kết thúc đợt thi đua theo chuyên đề, hoặc hoàn thành một số hạng mục công trình tiêu biểu để tổ chức Hội nghị sơ kết, hoặc Hội nghị tổng kết thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị lựa chọn những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong số tập thể, cá nhân tiêu biểu có nhiều đóng góp trong quá trình thực hiện chuyên đề đó với số lượng khen thưởng như sau:

a) Thời gian thực hiện chuyên đề từ 3 đến 4 năm: không vượt quá 05 tập thể, 07 cá nhân;

b) Thời gian thực hiện chuyên đề 5 năm: không vượt quá 7 tập thể, 12 cá nhân;

c) Thời gian thực hiện chuyên đề từ 6 đến 10 năm: không vượt quá 10 tập thể, 15 cá nhân;

d) Thời gian thực hiện chuyên đề trên 10 năm: không vượt quá 15 tập thể, 25 cá nhân.

3. Đối với những chuyên đề không có văn bản phát động phong trào thi đua của UBND huyện, khi tiến hành Hội nghị sơ kết, Hội nghị tổng kết chuyên đề (theo kế hoạch, chỉ thị của Huyện ủy, Tỉnh ủy, UBND tỉnh) thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị lựa chọn những tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc đề nghị về Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng huyện trình Chủ tịch UBND huyện khen thưởng như sau:

a) Thời gian thực hiện chuyên đề dưới 5 năm không vượt quá 03 tập thể, 06 cá nhân;

b) Thời gian thực hiện chuyên đề từ 5 năm đến dưới 10 năm không vượt quá 05 tập thể, 10 cá nhân;

c) Thời gian thực hiện chuyên đề từ 10 năm trở lên không vượt quá 07 tập thể, 15 cá nhân.

4. Đối với những chuyên đề có phạm vi rộng lớn, tác động đến tình hình kinh tế xã hội và đời sống nhân dân trên địa bàn toàn huyện thì số lượng đề nghị có thể cao hơn. Trong trường hợp này cơ quan, đơn vị chủ trì phải có văn bản đề nghị Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng huyện xin chủ trương của Chủ tịch UBND huyện quyết định.

5. Tổng kết Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết, Chỉ thị, Quyết định, Đại hội nhiệm kỳ cấp huyện, Kỷ niệm ngày thành lập, tái lập các xã, thị trấn không vượt quá 05 tập thể, 10 cá nhân.

6. Đối với kỷ niệm ngày tái lập, ngày giải phóng huyện, các ngày lễ lớn (thực hiện theo kế hoạch của Ban chỉ đạo các ngày lễ lớn của huyện), Đại hội đảng bộ huyện, Đại hội thi đua yêu nước, Hội nghị tổng kết bầu cử Đại biểu Quốc hội và Đại biểu HĐND các cấp, Hội nghị tổng kết hoạt động của HĐND và UBND huyện hoặc tổ chức các sự kiện về kinh tế, văn hóa xã hội (theo kế hoạch của Huyện ủy,

Tỉnh ủy, UBND tỉnh) thì số lượng “Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện” do Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng huyện tham mưu Chủ tịch UBND huyện quyết định.

7. Đối với các chuyên đề khác thuộc chức năng, nhiệm vụ thường xuyên của các cơ quan, đơn vị, địa phương khi tổ chức Hội nghị tổng kết hàng năm không đề nghị Chủ tịch UBND huyện khen thưởng. Trong trường hợp cần thiết đề động viên, ghi nhận các tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc tham gia trực tiếp thực hiện chuyên đề thì đơn vị chủ trì, phối hợp với Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng huyện trình Chủ tịch UBND huyện tặng giấy khen không kèm theo tiền thưởng, cơ quan, đơn vị đề nghị tự đảm bảo kinh phí khen thưởng từ quỹ của cơ quan, đơn vị hoặc của các Ban chỉ đạo giao cho đơn vị quản lý.

8. Giấy khen để khen thưởng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất, xuất sắc trong lao động, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu; dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của nhà nước.

9. Giấy khen để khen thưởng cho tập thể, cá nhân được UBND huyện công nhận là mô hình tiêu biểu, điển hình tiên tiến cấp huyện hàng năm hoặc giai đoạn.

10. Giấy khen đối với hộ sản xuất, kinh doanh giỏi ngoài các tiêu chuẩn chung, khi xét khen thưởng căn cứ tình hình thực tế và vận dụng các tiêu chuẩn quy định của tỉnh về khen thưởng đối với hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi trên địa bàn tỉnh.

11. Giấy khen đối với tập thể, cá nhân có thành tích hiến máu tình nguyện và vận động hiến máu tình nguyện thực hiện theo giá trị nhân đạo, nghĩa cử cao đẹp trong thực tế và quy định, quy chế tôn vinh, khen thưởng hiến máu tình nguyện và vận động hiến máu tình nguyện của tỉnh.

12. Tiêu chuẩn chung để được xét tặng “Giấy khen”.

a) Theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 74, 75, 76 của Luật Thi đua, Khen thưởng, Điều 40 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ và Điều 11, Quyết định số 61/2017/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước và tình hình thực tế cho phù hợp;

b) Đối với cá nhân, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;
- Lập được thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cơ quan, đơn vị, địa phương;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được đánh, phân loại theo quy định, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

c) Đối với tập thể, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

- Lập được thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

d) Đối với hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội thì được Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện hoặc Chủ tịch UBND xã, thị trấn tặng giấy khen.

Điều 23. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” xét tặng cho tập thể, cá nhân lập được nhiều thành tích tiêu biểu xuất sắc. Theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 72 của Luật thi đua, khen thưởng, Điều 39 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ và Điều 12 của Quyết định số 61/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

a) Khen thưởng đột xuất;

b) Khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt):

- Khi xét khen thưởng theo chuyên đề phải lưu ý. Hạn chế khen thưởng cho các cơ quan phối hợp, cho cá nhân lãnh đạo tham gia vào các Ban, các Hội đồng mà chủ yếu khen thưởng cho các tập thể và cá nhân trực tiếp thực hiện chuyên đề;

- Trong một năm, nếu tập thể và cá nhân tham gia nhiều chuyên đề khác nhau thì cũng chỉ xét tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh một lần duy nhất;

- Tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng phải có từ 1/2 thời gian tham gia chuyên đề trở lên.

c) Khen thưởng tổng kết năm;

d) Xét tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.

Điều 24. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, thực hiện theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 71 của Luật thi đua, khen thưởng, Điều 38 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/07/2017 của Chính Phủ.

Điều 25. Huân chương Lao động

Huân chương Lao động hạng nhất, nhì, ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tập thể theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 42, 43, 44 của Luật thi đua, khen thưởng, Điều 22, 23, 24 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/07/2017 của Chính Phủ.

Điều 26. Hình thức khen thưởng khác

Ngoài các hình thức khen thưởng nêu trên còn có các hình thức khen thưởng khác như: Huân chương, Huy chương các loại; Danh hiệu Vinh dự Nhà nước; các Giải thưởng; Kỷ niệm chương và Huy hiệu, thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/07/2017 của Chính Phủ.

Chương IV

NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG XÉT DANH HIỆU THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ TỶ LỆ, CƠ CẤU XÉT DANH HIỆU THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 27. Những trường hợp không xét danh hiệu thi đua, khen thưởng

1. Đối với tập thể

- a) Không đăng ký thi đua; không gửi báo cáo theo định kỳ;
- b) Cơ quan, đơn vị mới thành lập, thời gian hoạt động chưa đủ một năm (dưới 12 tháng);
- c) Những tập thể có vụ việc sai phạm bị báo chí phản ánh và đang trong quá trình thanh tra, kiểm tra;
- d) Đảng bộ, chi bộ, công đoàn cơ sở, tổ công đoàn đạt loại yếu kém;
- đ) Để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị đến mức phải xử lý hình sự;
- e) Các đơn vị (trực tiếp sử dụng, quản lý) có công chức, viên chức sinh con thứ ba trở lên, trừ 07 trường hợp sinh con thứ ba được quy định tại Điều 2 Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị định 20/2010/NĐ-CP);
- g) Có lãnh đạo chủ chốt bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên thì không xét khen thưởng cho tập thể đơn vị (đối với tập thể nhỏ trong đơn vị vẫn được tham gia xét khen thưởng).

2. Đối với cá nhân

- a) Không đăng ký thi đua; mới tuyển dụng dưới 10 tháng; nghỉ việc trên 40 ngày làm việc trở lên trong một năm (trừ chế độ nghỉ phép năm; nghỉ thai sản và những người có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế);
- b) Trường hợp có dấu hiệu vi phạm đang trong quá trình xác minh hoặc xem xét xử lý kỷ luật;
- c) Vi phạm bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên; hoặc có thư phản ánh của địa phương nơi cư trú về việc không chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước hoặc các vi phạm khác (nếu nội dung phản ánh được xác minh là đúng);

d) Không xét thi đua đối với cá nhân sinh con thứ ba trở lên (tính từ năm sinh con thứ ba trở lên), trừ 07 trường hợp sinh con thứ ba được quy định tại Điều 2 Nghị định số 20/2010/NĐ-CP;

đ) Gây tai nạn giao thông lỗi thuộc về cán bộ, công chức, viên chức;

e) Đề lộ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Tỷ lệ, cơ cấu xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thường xuyên (khen thưởng tổng kết năm)

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

a). Tỷ lệ xét đối với cá nhân.

- Đối với tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Không quá 90% cá nhân trong tổng số cá nhân của tập thể;

- Đối với tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ: Không quá 70% cá nhân trong tổng số cá nhân của tập thể;

- Đối với tập thể hoàn thành nhiệm vụ: Không quá 60% cá nhân trong tổng số cá nhân của tập thể.

b) Tỷ lệ xét đối với tập thể.

Không quá 70% “Tập thể Lao động tiên tiến” trong tổng số tập thể thuộc cơ quan, đơn vị;

c) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”: Không quá 15% trong tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

d) Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”: Không quá 30% tổng số tập thể trong đơn vị, đối tượng xét “Tập thể Lao động xuất sắc” theo Điều 9 của Quyết định số 61/2017/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy định về công tác Thi đua, Khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

đ) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”: Thực hiện theo Điều 22 của Luật thi đua, khen thưởng; Điều 9, của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/07/2017 của Chính Phủ.

2. Tỷ lệ xét khen thưởng thường xuyên (tổng kết năm)

a) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân huyện:

- Đối với cá nhân: Không quá 30% trong tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc đơn vị;

- Đối với tập thể: Không quá 30% trong tổng số tập thể thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương;

b) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh:

- Đối với cá nhân: Không quá 15% trong tổng số cán bộ, công chức, viên chức người lao động thuộc đơn vị;

- Đối với tập thể: Không quá 30% trong tổng số tập thể thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương;

3. Khi tính tỷ lệ xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định tại khoản 2 Điều này, nếu có số lẻ từ 0,5 trở lên thì được làm tròn thành 01 (một).

4. Cơ cấu xét khen thưởng

Nhằm thúc đẩy phong trào thi đua sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, việc xét khen thưởng tổng kết công tác năm phải đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Mọi cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có thành tích trong công tác đều được xem xét khen thưởng:

a) Căn cứ vào mức độ thành tích đạt được, theo chức trách nhiệm vụ được giao của từng đối tượng để xét khen thưởng;

b) Phân định thành các nhóm đối tượng xét khen thưởng, trên cơ sở so sánh thành tích giữa các cá nhân có cùng chức trách nhiệm vụ được giao, phân định thành các nhóm để xét riêng như sau:

- Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của đơn vị, địa phương, doanh nghiệp (Giám đốc, Phó Giám đốc và tương đương);

- Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương;

- Cán bộ, công chức, viên chức là chuyên viên, cán sự và tương đương;

- Lái xe, nhân viên phục vụ ...;

Trong đó, đối tượng cán bộ lãnh đạo, cán bộ chủ chốt ở các phòng, ban, ngành, đoàn thể, huyện, các doanh nghiệp (Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng phòng), tỷ lệ khen thưởng không quá 30% trong tổng số cá nhân của đơn vị được đề nghị UBND tỉnh xét khen thưởng.

Chương V

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT ĐỀ NGHỊ DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 29. Thẩm quyền công nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có thẩm quyền quyết định tặng “Cờ Thi đua của UBND tỉnh”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Huy hiệu” và “Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh”.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có thẩm quyền quyết định công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể Lao động tiên tiến”, “ấp, khu phố văn hóa” và Giấy khen.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn có thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Gia đình văn hóa” và Giấy khen.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã quyết định tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến” và Giấy khen.

Điều 30. Tuyến trình khen thưởng

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với cá nhân (đồng bào dân tộc ít người, nông dân, công nhân...), tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất, công tác do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phát hiện đề nghị.

3. Hội đồng nhân dân huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân xã được thực hiện theo quy định sau:

a) Đại biểu chuyên trách Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện do Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp hồ sơ, thủ tục trình Chủ tịch UBND huyện quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng;

b) Đại biểu chuyên trách Hội đồng nhân dân, tập thể Hội đồng nhân dân xã, thị trấn do Hội đồng nhân dân xã, thị trấn tổng hợp hồ sơ, thủ tục gửi Hội đồng thi đua, khen thưởng cùng cấp tham mưu Chủ tịch UBND xã, thị trấn khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

4. Đối với tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể cấp huyện có đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định thì cơ quan đảng (các Ban Đảng trực thuộc Huyện ủy), đoàn thể trực tiếp quản lý xét đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Cơ quan đảng, đoàn thể cấp huyện không đề nghị Ủy ban nhân dân huyện và các cấp khen thưởng cho các trường hợp thuộc xã, thị trấn trực tiếp quản lý về tổ chức biên chế, quỹ lương (trừ khen thưởng chuyên đề).

5. Đối với các đơn vị ngành dọc tỉnh đóng trên địa bàn huyện do sở, ngành tỉnh quản lý về biên chế, tổ chức thì do cơ quan cấp trên của các đơn vị đó xét công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng tổng kết công tác năm, Chủ tịch UBND huyện không xét công nhận các danh hiệu thi đua về thành tích công tác năm cho tập thể, cá nhân thuộc các đơn vị nêu trên, chỉ khen thưởng chuyên đề, đột xuất các phong trào thi đua do huyện phát động và khen thưởng cho một số ít tập thể và cá nhân thật sự tiêu biểu, xuất sắc có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của huyện.

6. Xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc lực lượng dân quân tự vệ được thực hiện theo Luật Thi đua, Khen thưởng và quy định của Bộ Quốc phòng.

7. Xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc lực lượng Công an xã, phường, thị trấn thực hiện theo Luật Thi đua, Khen thưởng và quy định của Bộ Công an.

8. Đối với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác có trụ sở đóng trên địa bàn (xã, thị trấn) nào thì địa phương đó trình khen; các doanh nghiệp thuộc khu công nghiệp thì do Ban Quản lý Khu kinh tế trình khen.

9. Đối với những đơn vị thuộc đối tượng có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, nộp BHXH cho người lao động, thì khi trình các hình thức khen thưởng của Ủy ban nhân dân huyện trở lên phải có xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, nộp BHXH cho người lao động và xác nhận không vi phạm về bảo vệ môi trường.

Điều 31. Thẩm quyền xét duyệt, cho ý kiến hồ sơ khen thưởng

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét duyệt hồ sơ khen thưởng từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên và tham mưu UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy cho ý kiến đối với các trường hợp theo quy định của Tỉnh ủy.

2. Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh:

a) Thẩm định hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng: “Cờ Thi đua của UBND tỉnh”, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ Thi đua cấp tỉnh” và “Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh”;

b) Tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh các trường hợp bộ, ngành Trung ương đề nghị UBND tỉnh hiệp y để trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng;

c) Hiệp y các trường hợp sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh đề nghị bộ, ngành, đoàn thể Trung ương khen thưởng.

3. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng cấp huyện chịu trách nhiệm thẩm định, xét duyệt hồ sơ thuộc thẩm quyền khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

4. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh cho ý kiến về việc đề nghị khen cao (từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên) đối với tập thể là đơn vị trực thuộc huyện và cá nhân là trưởng các phòng, ban, các tổ chức đoàn thể ở cấp huyện nhưng thuộc sự quản lý về chuyên môn, nghiệp vụ của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh.

5. Đối với các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện, xã, thị trấn được tổ chức chia cụm, khối thi đua, ký kết giao ước thi đua thuộc huyện thì kết thúc năm công tác, các đơn vị, địa phương gửi kết quả chấm điểm, xếp hạng thi đua về UBND huyện (Qua Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng huyện) để làm cơ sở xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

Điều 32. Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp nhà nước: Giao Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng huyện căn cứ hướng dẫn của tỉnh và các văn bản liên quan để hướng dẫn cụ thể.

2. Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.

a) Đối với khen thưởng tổng kết công tác năm, hồ sơ gồm có:

- Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương (02 bản);

- Biên bản họp xét thi đua của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng (02 bản);

- Báo cáo tóm tắt thành tích tập thể, cá nhân (02 bản). Ngoài ra, đối với những danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng theo tiêu chuẩn quy định phải có sáng kiến hoặc danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” thì gửi kèm bản photo chứng nhận sáng kiến hoặc chứng nhận đề tài khoa học hoặc quyết định công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương (02 bản);

b) Khen thưởng tổng kết khối thi đua của huyện, hồ sơ gồm có:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của Khối trưởng các khối thi đua (02 bản);

- Biên bản họp khối thi đua có ghi kết quả chấm điểm, xếp hạng thi đua (02 bản).

c) Đối với khen thưởng theo đợt hoặc chuyên đề, hồ sơ gồm có:

- Tờ trình kèm danh sách đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương có tóm tắt thành tích đạt được trong phong trào thi đua theo đợt hoặc chuyên đề (02 bản);

- Biên bản họp Hội đồng Thi đua, Khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương trình khen (02 bản);

- Photo gửi kèm văn bản phát động phong trào thi đua của Trung ương, tỉnh hoặc của huyện kế hoạch sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo đợt hoặc chuyên đề của Trung ương, tỉnh, huyện hoặc của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

d) Đối với khen thưởng đột xuất, hồ sơ gồm có: Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương ghi rõ hành động, thành tích, công trạng đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản (02 bản);

đ) Khen thưởng thành tích đối ngoại, hồ sơ gồm có:

- Tờ trình kèm theo danh sách tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng có tóm tắt thành tích đóng góp cho ngành, địa phương, đơn vị (02 bản);

- Biên bản họp Hội đồng Thi đua, Khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương trình khen (02 bản);

- Văn bản xin ý kiến của các cơ quan có liên quan (đối với một số trường hợp cần thiết).

Điều 33. Thời gian nộp hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Đối với Hồ sơ đề nghị xét tặng Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh, thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 21 của Quyết định số 61/2017/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối với Hồ sơ đề nghị xét tặng Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND huyện; (tổng kết năm). Hồ sơ nộp về Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng huyện trước ngày 31 tháng 12 năm hàng năm.

3. Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng huyện không tiếp nhận Hồ sơ đề nghị khen thưởng của các đơn vị, địa phương, cụm, khối thi đua nộp hồ sơ không đúng thành phần, thời gian quy định nêu trên mọi thắc mắc về sau không được xem xét giải quyết.

4. Đối với khen thưởng theo đợt, theo chuyên đề, đợt xuất: Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng huyện trước ngày dự kiến sơ, tổng kết trao thưởng ít nhất 07 ngày làm việc, riêng khen thưởng đợt xuất ít nhất 05 ngày làm việc với điều kiện hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian trình UBND huyện xem xét, quyết định). Các đơn vị gửi hồ sơ không đảm bảo, thành phần, thời gian để kịp trao thưởng, thủ trưởng đơn vị đề nghị phải chịu trách nhiệm.

5. Đối với các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 21 của Quyết định số 61/2017/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 34. Quản lý lưu trữ hồ sơ khen thưởng

1. Các đơn vị, địa phương có trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng của đơn vị, địa phương mình và cấp cơ sở để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo hoặc xác nhận khen thưởng khi đối tượng yêu cầu.

2. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định của Luật Lưu trữ.

Điều 35. Nghi lễ tổ chức trao tặng và đón nhận các phần thưởng cao quý của Đảng, Nhà nước

1. Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; Nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; Nghi lễ đối ngoại và đón tiếp khách nước ngoài.

2. Đối với các trường hợp khen thưởng đợt xuất, đơn vị đề nghị khen thưởng tổ chức trao tặng kịp thời, đề động viên tập thể, cá nhân được khen thưởng.

Chương VI

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; QUẢN LÝ; SỬ DỤNG QUỸ VÀ MỨC KHEN THƯỞNG

Điều 36. Nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng

Nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 3, Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng, Điều 64, 65 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/07/2017 của Chính Phủ.

Điều 37. Sử dụng và quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

1. Chi cho in ấn giấy chứng nhận, giấy khen, khung khen, chi mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn thi đua, khen thưởng.

2. Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các cá nhân, tập thể.

3. Thực hiện trích 20% trong tổng mức trích lập Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua, cụ thể như sau:

a) Chi phát động các phong trào thi đua thường xuyên, thi đua theo đợt, theo chuyên đề trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương; các hoạt động thi đua, khen thưởng cụm, khối thi đua; chỉ chỉ đạo, giám sát việc thực hiện phong trào thi đua, công tác khen thưởng;

b) Chi xây dựng, tổ chức và triển khai các phong trào thi đua; chi tham gia, tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ, hội thi về thi đua, khen thưởng; tuyên truyền nhân rộng các mô hình tiêu biểu, điển hình tiên tiến, chi tham quan, học tập kinh nghiệm các mô hình tiêu biểu, điển hình tiên tiến trong và ngoài tỉnh;

c) Chi bồi dưỡng cho các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng hàng tháng để tổ chức các phong trào thi đua, nghiên cứu, thẩm định hồ sơ khen thưởng, chỉ tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và nội dung chương trình công tác của Hội đồng thi đua khen thưởng; chi bồi dưỡng cho thành viên Hội đồng Khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở thực hiện những hoạt động phục vụ xét duyệt sáng kiến và xét thi đua;

d) Chi tổ chức hội nghị ký kết giao ước thi đua, hội nghị sơ kết, tổng kết phong trào thi đua yêu nước cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã, tham dự hội nghị sơ kết, tổng kết phong trào thi đua của cụm, khối thi đua, huyện, thị xã; hội nghị tổng kết phong trào thi đua yêu nước toàn quốc;

đ) Chi công tác kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng và giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo về khen thưởng chính sách ở ngành, địa phương, đơn vị cơ sở;

e) Một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua và lưu trữ hồ sơ, hiện vật khen thưởng.

4. Một số khoản chi theo quy định tại Điều 66 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/07/2017 của Chính Phủ.

5. Quản lý quỹ thi đua khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 67 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/07/2017 của Chính Phủ.

Điều 38. Nguyên tắc chi tiền thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của huyện do Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện quản lý; quỹ thi đua, khen thưởng của các ngành, đơn vị, địa phương do thủ trưởng đơn vị, địa phương quản lý; nguồn trích, tỷ lệ và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch chi trong năm. Việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng đối tượng và mức thưởng theo quy định.

2. Tiền thưởng kèm theo các quyết định khen thưởng theo quy định của Chủ tịch UBND huyện được chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng của huyện.

3. Đối với doanh nghiệp, trích từ quỹ thi đua, khen thưởng của đơn vị để chi thưởng theo hướng dẫn của của Bộ Tài chính tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 11/7/2013 và Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng.

4. Riêng khen thưởng theo chuyên đề (đối với những chuyên đề do UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện phát động), khen thưởng đột xuất, khen thưởng tổng kết khối thi đua huyện thì chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng của huyện.

5. Khen thưởng các chương trình mục tiêu, hội thi, hội diễn... do đơn vị chủ trì, tham mưu tổ chức dự toán nguồn kinh phí hoạt động riêng, khi đề nghị khen thưởng sử dụng nguồn kinh phí đó để chi thưởng theo quy định.

6. Đối với tập thể, cá nhân ở ngoài huyện, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài và tập thể người nước ngoài được tặng giấy khen của Chủ tịch UBND huyện thì kèm theo tặng phẩm lưu niệm có giá trị bằng mức tiền thưởng tương ứng theo quy định của pháp luật, trường hợp đặc biệt, tặng phẩm lưu niệm có giá trị cao hơn thì do UBND huyện quyết định.

7. Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện tặng cho các tổ chức, cá nhân nhà từ thiện nhân đạo có đóng góp trong công tác từ thiện nhân đạo trên địa bàn huyện không kèm theo tiền thưởng, trường hợp cần thiết tặng kèm theo tặng phẩm lưu niệm.

8. Các trường hợp khen thưởng đột xuất gương người tốt, việc tốt, hành động dũng cảm,... tùy theo thành tích và phạm vi tác dụng nêu gương và khả năng quỹ thi đua, khen thưởng để khen thưởng động viên, khuyến khích cho từng trường hợp, nhưng không quá 3 lần (ba) mức thưởng theo quy định. Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch UBND huyện quyết định.

9. Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, cùng một đối tượng khen thưởng, nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì chỉ nhận mức tiền thưởng cao nhất.

10. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua khác nhau.

Điều 39. Mức tiền thưởng

1. Cách tính tiền thưởng:

a) Tiền thưởng cho tập thể, cá nhân được khen thưởng được tính trên cơ sở mức lương cơ sở do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định công nhận các danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước hoặc quyết định khen thưởng. Đối với cá nhân đạt Danh hiệu “Lao động tiên tiến” chỉ công nhận không kèm theo mức tiền thưởng;

b) Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương cơ sở được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

2. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 73, 74 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/07/2017 của Chính Phủ.

Chương VII

KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 40. Kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng

1. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng tại các cơ quan, đơn vị trong phạm vi toàn huyện.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng tại cơ quan, đơn vị, địa phương do mình quản lý.

3. Trưởng khối thi đua có trách nhiệm kiểm tra phong trào thi đua theo các giao ước thi đua đã ký kết.

Điều 41. Trách nhiệm trong việc kê khai và xác nhận thành tích

1. Trách nhiệm của cá nhân: Cá nhân được đề nghị khen thưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc kê khai, báo cáo thành tích đề nghị các cấp xét khen thưởng.

2. Trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương: Chịu trách nhiệm kiểm tra, thẩm định các hồ sơ, báo cáo thành tích và tính chính xác của các hồ sơ, báo cáo thành tích đề nghị xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân của đơn vị mình trước khi trình cấp trên.

Điều 42. Quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tập thể, trước và phục hồi Danh hiệu

1. Cá nhân, tập thể được khen thưởng; cá nhân, tập thể có thẩm quyền quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng, nếu có hành vi vi phạm trong

quá trình kê khai, thực hiện thủ tục và quyết định khen thưởng thì sẽ bị xử lý theo quy định tại Điều 76, 77, 78 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/07/2017 của Chính phủ.

2. Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng huyện, bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm kiểm tra, nếu phát hiện tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm thì lập thủ tục đề nghị UBND huyện, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương ra quyết định hủy bỏ quyết định khen thưởng, thu hồi hiện vật khen thưởng và chế độ được hưởng; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm đề xuất UBND huyện, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý.

3. Nếu phát hiện cá nhân được tặng thưởng Danh hiệu vinh dự Nhà nước mà vi phạm pháp luật, bị tòa án xét xử bằng hình thức tù phạt tù nhưng cho hưởng án treo trở lên và bản án đã có hiệu lực pháp luật thì Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện có trách nhiệm làm thủ tục trình UBND huyện đề nghị cấp có thẩm quyền tước Danh hiệu vinh dự Nhà nước.

Điều 43. Khiếu nại, tố cáo

1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của mình theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện có trách nhiệm tiếp nhận, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, xác minh, tham mưu UBND huyện giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND huyện.

4. Bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 44. Đối với các nội dung khác có liên quan mà không có trong Quy định này thì áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và Quy định của tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 45. Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng của huyện, các đơn vị, địa phương trên địa bàn huyện.

Điều 46. Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng huyện có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các ngành, các cấp thực hiện Quy định này và theo dõi tổng

hợp những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện đề trình UBND huyện sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 47. Trưởng các phòng, ban, ngành, đoàn thể, các đơn vị sự nghiệp huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn; Giám đốc các doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này. Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng và Quy định này để xây dựng Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương mình./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH



Hoàng Nhật Tân